

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 227./QĐ-SIU ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn)

Tên chương trình đào tạo:	Cử nhân Kế toán
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã số:	7340301
Chuyên ngành đào tạo:	Kế toán Doanh nghiệp Kế toán Kiểm toán

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs)

1.1. Mục tiêu chung

Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, ngoại ngữ, tin học, kinh doanh và quản lý; có kiến thức toàn diện về kế toán - kiểm toán, hiểu biết về kế toán quốc tế và kế toán quốc gia; có kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công nghệ thông tin theo kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ; có kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng mềm, khả năng tư duy sáng tạo, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và nước ngoài; hoàn thành tốt nhiệm vụ kế toán trong mọi loại hình doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp; có năng lực tự nghiên cứu phát triển kiến thức mới thích ứng với thay đổi của kinh tế - xã hội và có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn hướng đến đào tạo cử nhân kế toán có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu lao động trong và ngoài nước.

- **PO1:** Có kiến thức về chính trị, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất kết hợp với kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, ngoại ngữ, tin học, kinh doanh

và quản lý hiện đại; kiến thức toàn diện và chuyên sâu về lĩnh vực kế toán – kiểm toán quốc gia, về kế toán quốc tế; kiến thức quản lý để điều hành thực hiện hiệu quả công việc kế toán và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực kế toán.

- **PO2:** Có kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá cơ sở dữ liệu và thông tin kế toán; có kỹ năng mềm, kỹ năng công nghệ thông tin, theo kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ và có khả năng thiết kế hệ thống kế toán trong các môi trường khác nhau của đơn vị kế toán và sử dụng thành thạo ngoại ngữ.

- **PO3:** Có khả năng tư duy năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn. Có bản lĩnh, nhiệt tình, đam mê với nghề, có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, phong cách làm việc chuyên nghiệp, thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong và ngoài nước, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs)

Nhóm các PLOs	Ký hiệu	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	PLO1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị, ngoại ngữ và pháp luật vào trong lĩnh vực về kế toán, kiểm toán để có thể nghiên cứu chuyên sâu và phát triển kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
	PLO2	Vận dụng được kiến thức về chuẩn mực, chế độ kế toán, quy định kiểm toán, kiến thức về kế toán, kiểm toán, kế toán quản trị, hệ thống thông tin kế toán và thuế, tích hợp kiến thức công nghệ thông tin để tổ chức thực hiện hiệu quả công việc và cung cấp thông tin kế toán, kiểm toán của doanh nghiệp và các loại hình tổ chức trong môi trường số.
	PLO3	Phân tích thông tin dựa trên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát Việt Nam và quốc tế để lập kế hoạch, quản lý điều hành hoạt động chuyên môn và giải quyết những vấn đề phức tạp, phát triển kiến thức mới và đề xuất các giải pháp khả thi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
	PLO4	Vận dụng kiến thức chuyên môn kết hợp khả năng tư duy để phát triển kiến thức mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán để tiếp tục học ở bậc cao hơn

Kỹ năng	PLO5	Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ bản về kế toán, kiểm toán để đánh giá kết quả, tư duy phản biện và lựa chọn để áp dụng kiến thức hợp lý cho các vấn đề về kế toán, kiểm toán.
	PLO6	Sử dụng thành thạo tin học và các các kỹ năng công nghệ thông tin, phần mềm chuyên dụng trong kế toán, kiểm toán để thiết kế hệ thống kế toán và áp dụng hợp lý kiến thức kế toán, kiểm toán ở các loại hình doanh nghiệp khác nhau của đơn vị kế toán trong môi trường số.
	PLO7	Sử dụng thành thạo tiếng Anh giao tiếp và tiếng Anh chuyên ngành kế toán, kiểm toán trong hoạt động chuyên môn. Đạt được năng lực ngoại ngữ 3/6 theo khu năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
	PLO8	Vận dụng kỹ năng nghiên cứu để tự nghiên cứu và năng lực nghề nghiệp kiểm tra, đánh giá, giải quyết vấn đề và đề xuất các giải pháp hiệu quả trong thực thi công việc liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO9	Bày tỏ quan điểm cá nhân, sẵn sàng đương đầu với mọi thách thức, đưa ra được định hướng chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tuân thủ các yêu cầu đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ được quan điểm cá nhân.
	PLO10	Thể hiện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn giám sát những người khác thực hiện công việc được giao, có trách nhiệm cộng đồng ý thức tổ chức kỷ luật.
	PLO11	Thể hiện khả năng tự định hướng và năng lực học tập suốt đời, cầu tiến, phát triển kiến thức mới và thích ứng nhanh với sự thay đổi của khoa học công nghệ; lập kế hoạch điều phối nguồn lực tổ chức hoạt động nhằm đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm		
	PLO01	PLO02	PLO03	PLO04	PLO05	PLO06	PLO07	PLO08	PLO09	PLO10	PLO11
PO1	X	X	X	X							
PO2					X	X	X	X			
PO3									X	X	X

4. Vị trí việc làm

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán, cử nhân kế toán có thể đảm nhiệm các vị trí sau:

- Kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, kế toán thanh toán, kế toán công nợ, kế toán vật tư, kế toán quỹ, kiểm toán viên ... tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp dịch vụ).
- Kế toán tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong nền kinh tế.
- Kế toán, kiểm toán nội bộ các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ.
- Công chức thuế tại các Chi cục thuế địa phương và Cục thuế các tỉnh.
- Tự tạo lập công ty tư vấn dịch vụ kế toán, kiểm toán và báo cáo thuế.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các cơ sở giáo dục, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán - kiểm toán.
- Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ sau đại học thuộc các chuyên ngành kế toán, kiểm toán hoặc theo học các chương trình để được cấp các chứng chỉ nghề nghiệp

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 127 tín chỉ

7. Tiêu chí tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tự nhiên Quốc tế Sài Gòn.

7.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông, theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Đại học Quốc tế Sài Gòn.

7.2. Hình thức tuyển sinh: Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tự nhiên Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

8.1. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

9. Phương thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tự thực Quốc tế Sài Gòn.

10. Nội dung chương trình đào tạo

10.1. Các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1. Kiến thức đại cương	46	36,22
1.1. Lý luận chính trị	11	8,66
1.2. Khoa học	13	10,24
1.3. Ngoại ngữ	13	10,24
1.4. Tin học	6	4,72
1.5. Văn hoá	3	2,36
2. Kiến thức chuyên ngành	71	55,91
2.1. Kiến thức cơ sở ngành	15	11,81
2.2. Kiến thức ngành	41	32,29
2.3. Kiến thức chuyên ngành	15	11,81
3. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp	10	7,87
Tổng cộng	127	100

10.2. Nội dung chi tiết

STT	Mã HP	Tên môn học		Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				46	540	300		1.460	
I.1. Lý luận chính trị				11	165	-		385	-
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45			105	
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30			70	2GEN0011
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30			70	2GEN0012
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30			70	
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30			70	
I.2. Khoa học				13	165	60		425	
I.2.01	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30			70	
I.2.02	2SOC31494	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	3	45			105	
I.2.03	2BUS21416	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	45			105	
I.2.04	2BUS12201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Business Research Methods	2		60		40	
I.2.05	2BAS3301	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Monetary and Financial Theories	3	45			105	
I.3. Ngoại ngữ				13	120	150		380	
I.3.01	2LAN2404	English Proficiency 1	English Proficiency 1	4	30	60		110	
I.3.02	2LAN2505	English Proficiency 2	English Proficiency 2	4	30	60		110	2LAN2404
I.3.03	2LAN2606	English Proficiency 3	English Proficiency 3	5	60	30		160	2LAN2505
I.4. Tin học				6	45	90		165	
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	15	30		55	

STT	Mã HP	Tên môn học		Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.4.02	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án	Project Management Tools	2	15	30		55	
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trục quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	15	30		55	
I.5. Văn hoá				3	45	-		105	
I.5.01	2ENG11491	Viết luận Anh*	English Composition	3	45			105	
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				71	930	270		2.560	-
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				15	225	-		735	-
Bắt buộc				12	180	-		420	-
II.1.01	2ACC1301	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	45			105	
II.1.02	2ACC1302	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán*	English for Accounting	3	45			105	
II.1.03	2ACC2303	Business and Technology 1 (F1.1)*	Business and Technology 1 (F1.1)	3	45			105	
II.1.04	2ACC3306	Business and Technology 2 (F1.2)*	Business and Technology 2 (F1.2)	3	45			105	2ACC2303
Tự chọn				3	45	-		315	-
II.1.05	2BAS5304	Luật kinh doanh	Business Law	3	45			105	
II.1.06	2BUS43315	Khởi nghiệp trong thời đại số	Entrepreneur in A Digital Age	3	45			105	
II.1.07	2BAS6305	Thẩm định dự án đầu tư	Project Appraisal	3	45			105	
II.2. Kiến thức ngành				41	510	210		1.330	-
Bắt buộc				38	465	210		1.225	-
II.2.01	2ACC2302	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	45			105	2ACC1301
II.2.02	2ACC3304	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	3	45			105	2ACC2302
II.2.03	2ACC4307	Kế toán tài chính 3	Financial Accounting 3	3	45			105	2ACC3304
II.2.04	2ACC5218	Kế toán mô phỏng	Accounting Simulation	2		60		40	2ACC3304
II.2.05	2ACC3303	Kiểm toán 1	Auditing 1	3	45			105	2ACC2302
II.2.06	2ACC5316	Kiểm toán 2	Auditing 2	3	30	30		90	2ACC3303

STT	Mã HP	Tên môn học		Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.2.07	2ACC3307	Thuế	Tax	3	30	30		90	2ACC1301
II.2.08	2ACC7323	Hệ thống thông tin kế toán	Accounting Information System	3	30	30		90	ACC3304
II.2.09	2ACC4313	Management Accounting 1 (F2.1)*	Management Accounting 1 (F2.1)	3	45			105	2ACC1301
II.2.10	2ACC5317	Management Accounting 2 (F2.2)*	Management Accounting 2 (F2.2)	3	45			105	2ACC4313
II.2.11	2ACC5318	Financial Accounting 1 (F3.1)*	Financial Accounting 1 (F3.1)	3	45			105	2ACC1301
II.2.12	2ACC6320	Financial Accounting 2 (F3.2)*	Financial Accounting 2 (F3.2)	3	45			105	2ACC5318
II.2.13	2ACC6316	Thực hành nghề nghiệp	Professional Practice	3	15	60		75	2ACC3304
Tự chọn				3	45	-		105	-
II.2.14	2ACC4310	Kế toán ngân hàng	Bank Accounting	3	45			105	2ACC1301
II.2.15	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế	International Trade Law	3	45			105	
II.2.16	2BUS13408	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	45			105	
II.3. Kiến thức chuyên ngành				15	180	90		480	
II.3.1. Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp				15	180	90		480	
Bắt buộc				9	105	60		285	
II.3.1.01	2ACC14308	Kế toán chi phí	Cost Accounting	3	30	30		90	2ACC3304
II.3.1.02	2ACC6318	Phân tích Báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	45			105	2ACC1301
II.3.1.03	2ACC17321	Kế toán Hành chính sự nghiệp	Public Sector Accounting	3	30	30		90	2ACC1301
Tự chọn				6	75	30		195	
II.3.1.04	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ	Internal Control	3	45			105	2ACC3303
II.3.1.05	2ACC6319	Kiểm toán Báo cáo tài chính	Financial Statement Auditing	3	30	30		90	2ACC5315
II.3.1.06	2ACC7328	Kế toán hoạt động xây lắp	Construction Accounting	3	45			105	2ACC3304

STT	Mã HP	Tên môn học		Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.3.1.07	2BUS12405	Tài chính quốc tế	International Finance	3	45			105	
II.3.1.08	2BAS5303	Đạo đức trong kinh doanh	Business Ethics	3	45			105	
II.3.1.09	2BUS13431	Thanh toán quốc tế	International Payment	3	45			105	
II.3.1.10	2ACC4311	Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam	Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework	3	45			105	
II.3.2. Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán				15	165	120		375	-
Bắt buộc				9	105	60		285	-
II.3.2.01	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ	Internal Control	3	45			105	2ACC3303
II.3.2.02	2ACC17322	Kiểm toán hoạt động	Operational Auditing	3	30	30		90	2ACC5315
II.3.2.03	2ACC6319	Kiểm toán Báo cáo tài chính	Financial Statement Auditing	3	30	30		90	2ACC5315
Tự chọn				6	60	60		90	
II.3.2.04	2ACC14308	Kế toán chi phí	Cost Accounting	3	30	30		90	2ACC3304
II.3.2.05	2ACC17321	Kế toán Hành chính sự nghiệp	Public Sector Accounting	3	30	30		90	2ACC1301
II.3.2.06	2ACC4309	Kiểm toán Nhà nước	State Auditing	3	45			105	2ACC5315
II.3.2.07	2BUS12405	Tài chính quốc tế	International Finance	3	45			105	
II.3.2.08	2BAS5303	Đạo đức trong kinh doanh	Business Ethics	3	45			105	
II.3.2.09	2BUS13431	Thanh toán quốc tế	International Payment	3	45			105	
II.3.2.10	2ACC4311	Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam	Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework	3	45			105	
II.4. THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP				10	150			350	
II.4.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	45			105	2ACC6316
II.4.02	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	105			245	2CTS8331
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)				16	165	150			

STT	Mã HP	Tên môn học		Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Bắt buộc, không tích lũy				16	165	150			
III.01	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Defense Education - Security Education	11	165				
III.02	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5		150			
TỔNG CỘNG				127	1.605	600		4.355	

* Giảng dạy bằng tiếng Anh

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 35 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 20 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

- Một giờ học được tính bằng 50 phút.

10.3. Ma trận đáp ứng giữa các môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG											
Lý luận chính trị											
Triết học Mác – Lênin/ Philosophy of Marxism and Leninism	I				R			R	R	R	
Kinh tế chính trị Mác – Lênin/Political Economics of Marxism and Leninism	I				R			R	R	R	
Chủ nghĩa Xã hội khoa học/ Scientific Socialism	I				R			R	R	R	
Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Thought	I				R			R	R	R	
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of The Communist Party of Vietnam	I				R			R	R	R	
I.2. Khoa học											
Pháp luật đại cương/ General Laws	I	I			R				R		
Toán cao cấp/ Advanced Mathematics	I				I	I				R	R
Quản trị học/ Fundamentals of Management	I				R	R		R		R	R
Lý thuyết tài chính tiền tệ/ Monetary and Financial Theories	R				R					R	M
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh/ Business Research Methods	R				M	M		M	M	M	R
I.3. Ngoại ngữ											
English Proficiency 1	I					I	I				R
English Proficiency 2	R					R	R				R
English Proficiency 3	R					R	R				R
I.4. Tin học											

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
Công cụ xử lý hình ảnh/ Image Processing Tools	I					R		R		R	
Công cụ quản lý dự án/ Project Management Tools	R					R		R			R
Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu/ Data Analytics and Visualization Tools	R					R		R		R	R
I.5. Văn hoá											
Viết luận Anh/ English Composition	R					R	R				R
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP											
Kiến thức cơ sở ngành											
Bắt buộc											
Tiếng anh chuyên ngành kế toán/ English for Accounting	I	R	R				R			R	R
Nguyên lý kế toán/ Principles of Accounting		R	R		R	R		R	R	R	
Business and Technology 1 (F1.1)	I	I	I		I		R			R	R
Business and Technology 2 (F1.2)	I	I	I		R		R			R	R
Tự chọn											
Khởi nghiệp trong thời đại số/ Entrepreneur in A Digital Age	R	R	R	R	R			R	R	R	R
Luật kinh doanh/ Business Law	R	R			R			R	R		R
Thẩm định dự án đầu tư/ Project Appraisal	I	I			R				R	R	
Kiến thức ngành											
Bắt buộc											
Kế toán tài chính 1/ Financial Accounting 1		L.A	R.A	R.A		R		R	R	R	R
Kiểm toán 1/ Auditing 1		I	R	M	M	R		R	R	R	
Kế toán tài chính 2/ Financial Accounting 2		L.A	R.A	M.A	R	R		R	R	R	R
Thuế/ Tax		R	R	M	M	M		R	R	R	
Management Accounting 1 (F2.1)		R	R	R	R		R			R	R
Kế toán tài chính 3/ Financial Accounting 3		L.A	R.A	M.A	R	R		R	R	R	R
Financial Accounting 1 (F3.1)		R	R	R	R		R			R	R
Kiểm toán 2/ Auditing 2		I	R	M	M	R		R	R	R	
Thực hành nghề nghiệp/ Professional Practice		R.A	R.A	R.A	M.A	R.A		R.A	R.A	R.A	
Financial Accounting 2 (F3.2)		R	R	R	R		R			R	R
Kế toán mô phỏng/ Accounting Simulation		L.A	R.A	M.A	M.A	R.A		R.A	R.A		R.A
Hệ thống thông tin kế toán/ Accounting Information System		I	R	R	M	R		R	R		
Management Accounting 2 (F2.2)		R	R	M	R		R			R	R
Tự chọn											
Kế toán Ngân hàng/ Bank Accounting		I	I	R	M	R		R	R		R
Luật thương mại quốc tế/ International Trade Law		R	R	R	R			R	R	R	

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
Quản trị chiến lược/ Strategic Management		R	R	R	M			R	R		R
Kiến thức chuyên ngành											
<i>Chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp</i>											
Bắt buộc											
Kế toán chi phí/ Cost Accounting		R	R	M	M	R		R	R	R	
Phân tích Báo cáo tài chính/ Financial Statement Analysis		R	R	M	R	R		R	R		
Kế toán Hành chính sự nghiệp/ Public Sector Accounting		R	R	R	M	R		R	R	R	R
Tự chọn											
Kiểm soát nội bộ/ Internal Control		R	R	R	R	R		R	R		
Kiểm toán Báo cáo tài chính/ Financial Statement Auditing		R	R	M	M	R		R	R	R	
Tài chính quốc tế/ International Finance		R	R	R	R			R	R	R	
Đạo đức trong kinh doanh/ Business Ethics		R	R	R	R			R	R		
Thanh toán quốc tế/ International Payment		R	R	R	R			R		R	R
Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam/ Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework		R	R	R	R	R		R	R	R	
Kế toán hoạt động xây lắp/ Construction Accounting		R	R	M	M	R		R	R	R	R
Chuyên ngành Kế toán Kiểm toán											
Bắt buộc											
Kiểm soát nội bộ/ Internal Control		R	R	R	R	R		R	R		
Kiểm toán Báo cáo tài chính/ Financial Statement Auditing		R	R	M	M	R		R	R	R	
Kiểm toán hoạt động/ Operational Auditing		R	R	M	M	R		R	R		
Tự chọn											
Kế toán chi phí/ Cost Accounting		R	R	M	M	R		R	R	R	
Tài chính quốc tế/ International Finance		R	R	R	R			R	R	R	
Đạo đức trong kinh doanh/ Business Ethics		R	R	R	R			R	R		
Kiểm toán Nhà nước/ State Auditing		R	R	R	M	M		R	R		
Kế toán Hành chính sự nghiệp/ Public Sector Accounting		R	R	R	M	R		R	R	R	R
Thanh toán quốc tế/ International Payment		R	R	R	R			R		R	R
Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam/ Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework		R	R	R	R	R		R	R	R	
Thực tập và khoá luận tốt nghiệp											
Thực tập tốt nghiệp / Graduation Internship		M.A	R.A	M.A	M	M		M	R	R	R
Khoá luận tốt nghiệp / Graduation Thesis	I.A	R.A	R.A	M.A	M	R		R	R	R	R

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT											
Bắt buộc, không tích lũy											
Giáo dục quốc phòng và An ninh/ National Defense and Security Education	R				R					R	
Giáo dục thể chất / Physical Education	R				R					R	

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO theo một trong ba mức: **I** (Introduced), **R** ((Reinforced), **M** (Mastery):

- **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- **Mức R (Reinforced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế ...;
- **Mức M (Mastery):** Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thực/thành thạo;
- **Học phần cốt lõi - A (Assessed):** Học phần bắt buộc hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO. Đây là học phần có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.

10.4. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

10.4.1. Kế hoạch giảng dạy dự kiến chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp

STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 1								
1	2SOC31494	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)	3	45			105	BB
2	2BAS3301	Lý thuyết tài chính tiền tệ (Monetary and Financial Theories)	3	45			105	BB
3	2ACC1302	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán* (English for Accounting)	3	45			105	BB
4	2BUS21416	Quản trị học (Fundamentals of Management)	3	45			105	BB
5	2ACC1301	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45			105	BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			15					
Tổng số tín chỉ HK1			15					

STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 2								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1		30			Không tích lũy
2	2ACC2303	Business and Technology 1 (F1.1)*	3	45			105	BB
3	2ACC2302	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	45			105	BB
4	2BUS12201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (Business Research Methods)	2		60		40	BB
5	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh (Image Processing Tools)	2	15	30		55	BB
6		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự chọn 3 tín chỉ
6.1	2BUS43315	Khởi nghiệp trong thời đại số (Entrepreneur in A Digital Age)	3	45			105	
6.2	2BAS5304	Luật Kinh doanh (Business Law)	3	45			105	
6.3	2BAS6305	Thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal)	3	45			105	
Học kỳ hè Năm 1								
1	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng - an ninh (Defense Education - Security Education)	11	165				Không tích lũy
2	2GEN0011	Triết học Mác- Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	45			105	BB
3	2GEN0008	Pháp luật đại cương (General Laws)	2	30			70	BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 2			20					
Tổng số tín chỉ HK 2			21					
Học kỳ 3								
1	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án (Project Management Tools)	2	15	30		55	BB
2	2ACC3306	Business and Technology 2 (F1.2)*	3	45			105	BB
3	2ACC3304	Kế toán. tài chính 2 (Financial Accounting 2)	3	45			105	BB
4	2ACC4313	Management Accounting 1 (F2.1)*	3	45			105	BB
5	2ACC3303	Kiểm toán 1 (Auditing 1)	3	45			105	BB
6	2LAN2404	English Proficiency 1	4	30	60		110	BB
7		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự
7.1	2ACC4310	Kế toán ngân hàng (Bank Accounting)	3	45			105	

STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
7.2	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế (International Trade Law)	3	45			105	
7.3	2BUS13408	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 3			21					
Học kỳ 4								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1		30			Không tích lũy
2	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism – Leninism)	2	30			70	BB
3	2LAN2505	English Proficiency 2	4	30	60		110	BB
4	2ACC5316	Kiểm toán 2 (Auditing 2)	3	30	30		90	BB
5	2ACC3307	Thuế (Tax)	3	30	30		90	BB
6	2GEN3098	Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu (Data Analytics and Visualization Tools)	2	15	30		55	BB
7	2ACC5317	Management Accounting 2 (F2.2)*	3	45			105	BB
8	2ACC4307	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting 3)	3	45			105	BB
9	2ACC7323	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	3	30	30		90	BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 4			23					
Tổng số tín chỉ HK 4			24					
Học kỳ 5								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1		30			Không tích lũy
2	2ACC5318	Financial Accounting 1 (F3.1)*	3	45			105	BB
3	2LAN2606	English Proficiency 3	5	60	30		160	BB
4	2ENG11491	Viết luận Anh (English Composition)	3	45			105	BB
5	2ACC5218	Kế toán mô phỏng (Accounting Simulation)	2		60		40	BB
6	2ACC14308	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	3	45			105	BB
8		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự chọn 3 tín chỉ
8.1	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ (Internal Control)	3	45			105	
8.2	2BUS12405	Tài chính quốc tế (International Finance)	3	45			105	

STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
8.3	2ACC4311	Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam (Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework)	3	45			105	
8.4	2BAS5303	Đạo đức trong kinh doanh (Business Ethics)	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 5			19					
Tổng số tín chỉ HK 5			20					
Học kỳ 6								
1	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	30			70	BB
2	2ACC17321	Kế toán hành chính sự nghiệp (Public Sector Accounting)	3	30	30		90	BB
3	2ACC6316	Thực hành nghề nghiệp (Professional Practice)	3	15	60		75	BB
4	2ACC6320	Financial Accounting 2 (F3.2)*	3	45			105	BB
5	2ACC6318	Phân tích Báo cáo tài chính (Financial Statement Analysis)	3	45			105	BB
6		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự chọn 3 tín chỉ
6.1	2ACC6319	Kiểm toán Báo cáo tài chính (Financial Statement Auditing)	3	30	30		90	
6.2	2ACC7328	Kế toán hoạt động xây lắp (Construction Accounting)	3	45			105	
6.3	2BUS13431	Thanh toán quốc tế (International Payment)	3	45			105	
Học kỳ hè Năm 3								
7	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought)	2	30			70	BB
8	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ((History of The Communist Party of Vietnam)	2	30			70	BB
9	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4 (Physical Education 4)	1		30			Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 6			21					
Tổng số tín chỉ HK 6			22					
Học kỳ 7								
1	2CTS8331	Thực tập (Graduation Internship)	3	45			105	BB
3	2CTS8749	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	7	105			245	BB
2	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5 (Physical Education 5)	1		30			Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 7			10					
Tổng số tín chỉ HK 7			11					
Tổng cộng tín chỉ tích lũy			127					

10.4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến chuyên ngành Kế toán kiểm toán

STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 1								
1	2SOC31494	Toán cao cấp (Advanced Mathematics)	3	45			105	BB
2	2BAS3301	Lý thuyết tài chính tiền tệ (Monetary and Financial Theories)	3	45			105	BB
3	2ACC1302	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán* (English for Accounting)	3	45			105	BB
4	2BUS21416	Quản trị học (Fundamentals of Management)	3	45			105	BB
5	2ACC1301	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3	45			105	BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			15					
Tổng số tín chỉ HK1			15					
Học kỳ 2								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 (Physical Education 1)	1		30			Không tích lũy
2	2ACC2303	Business and Technology 1 (F1.1)*	3	45			105	BB
3	2ACC2302	Kế toán tài chính 1 (Financial Accounting 1)	3	45			105	BB
4	2BUS12201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (Business Research Methods)	2		60		40	BB
5	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh (Image Processing Tools)	2	15	30		55	BB
6		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự chọn 3 tín chỉ
6.1	2BUS43315	Khởi nghiệp trong thời đại số (Entrepreneur in A Digital Age)	3	45			105	
6.2	2BAS5304	Luật Kinh doanh (Business Law)	3	45			105	
6.3	2BAS6305	Thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal)	3	45			105	

STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ hè Năm 1								
1	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng - an ninh (Defense Education - Security Education)	11	165				Không tích lũy
2	2GEN0011	Triết học Mác- Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism)	3	45			105	BB
3	2GEN0008	Pháp luật đại cương (General Laws)	2	30			70	BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 2			18					
Tổng số tín chỉ HK 2			30					
Học kỳ 3								
1	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án (Project Management Tools)	2	15	30		55	BB
2	2ACC3306	Business and Technology 2 (F1.2)*	3	45			105	BB
3	2ACC3304	Kế toán tài chính 2 (Financial Accounting 2)	3	45			105	BB
4	2ACC4313	Management Accounting 1 (F2.1)*	3	45			105	BB
5	2ACC3303	Kiểm toán 1 (Auditing 1)	3	45			105	BB
6	2LAN2404	English Proficiency 1	4	30	60		110	BB
7		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự chọn 3 tín chỉ
7.1	2ACC4310	Kế toán ngân hàng (Bank Accounting)	3	45			105	
7.2	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế (International Trade Law)	3	45			105	
7.3	2BUS13408	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 3			21					
Học kỳ 4								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2 (Physical Education 2)	1		30			Không tích lũy
2	2ACC5316	Kiểm toán 2 (Auditing 2)	3	30	30		90	BB
3	2ACC3307	Thuế (Tax)	3	30	30		90	BB
4	2GEN3098	Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu (Data Analytics and Visualization Tools)	2	15	30		55	BB
5	2ACC5317	Management Accounting 2 (F2.2)*	3	45			105	BB

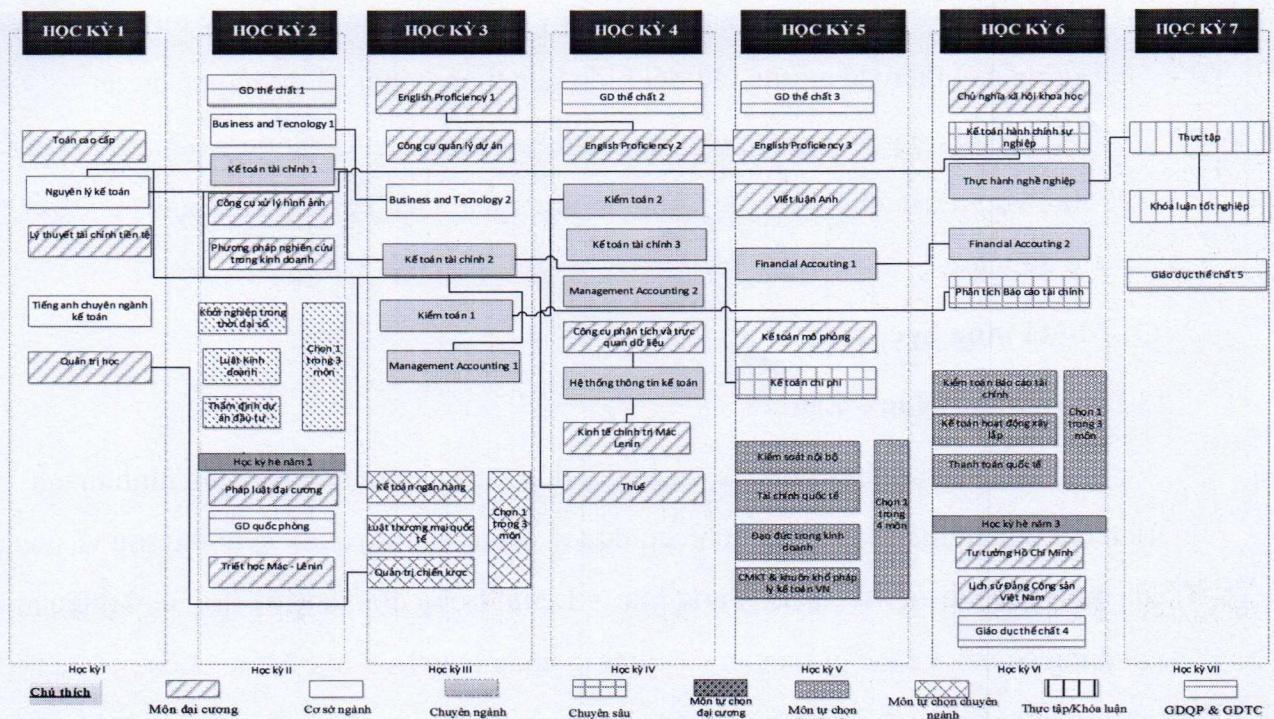
STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
6	2ACC4307	Kế toán tài chính 3 (Financial Accounting 3)	3	45			105	BB
7	2ACC7323	Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)	3	30	30		90	BB
8	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism - Leninism)	2	30			70	BB
9	2LAN2505	English Proficiency 2	4	30	60		110	BB
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 4			23					
Tổng số tín chỉ HK 4			24					
Học kỳ 5								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3 (Physical Education 3)	1		30			Không tích lũy
2	2ACC5318	Financial Accounting 1 (F3.1)*	3	45			105	BB
3	2LAN2606	English Proficiency 3	5	60	30		160	BB
4	2ENG11491	Viết luận Anh (English Composition)	3	45			105	BB
5	2ACC5218	Kế toán mô phỏng (Accounting Simulation)	2		60		40	BB
6	2ACC4312	Kiểm soát nội bộ (Internal Control)	3	45			105	BB
7		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự chọn 3 tín chỉ
7.1	2ACC14308	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	3	45			105	
7.2	2BUS12405	Tài chính quốc tế (International Finance)	3	45			105	
7.3	2ACC4311	Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam (Vietnamese Accounting Standards & Legal Framework)	3	45			105	
7.4	2BAS5303	Đạo đức trong kinh doanh (Business Ethics)	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 5			21					
Tổng số tín chỉ HK 5			22					

STT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 6								
1	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism)	2	30			70	BB
2	2ACC6316	Thực hành nghề nghiệp (Professional Practice)	3	15	60		75	BB
3	2ACC6320	Financial Accounting 2 (F3.2)*	3	45			105	BB
4	2ACC6319	Kiểm toán Báo cáo tài chính (Financial Statement Auditing)	3	30	30		90	BB
5	2ACC17322	Kiểm toán hoạt động (Operational Auditing)	3	30	30		90	BB
6		Chọn 1 trong các môn học sau	3					Môn học tự chọn 3 tín chỉ
6.1	2ACC17321	Kế toán hành chính sự nghiệp (Public Sector Accounting)	3	30	30		90	
6.2	2ACC4309	Kiểm toán Nhà nước (State Auditing)	3	45			105	
6.3	2BUS13431	Thanh toán quốc tế (International Payment)	3	45			105	
Học kỳ hè Năm 3								
6	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Thought)	2	30			70	BB
7	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of The Communist Party of Vietnam)	2	30			70	BB
8	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4 (Physical Education 4)	1		30			Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 6			21					
Tổng số tín chỉ HK 6			22					
Học kỳ 7								
1	2CTS8331	Thực tập (Graduation Internship)	3					BB
3	2CTS8749	Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)	7					BB
2	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5 (Physical Education 5)	1		30			Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 7			10					
Tổng số tín chỉ HK 7			11					
Tổng cộng tín chỉ tích lũy			127					

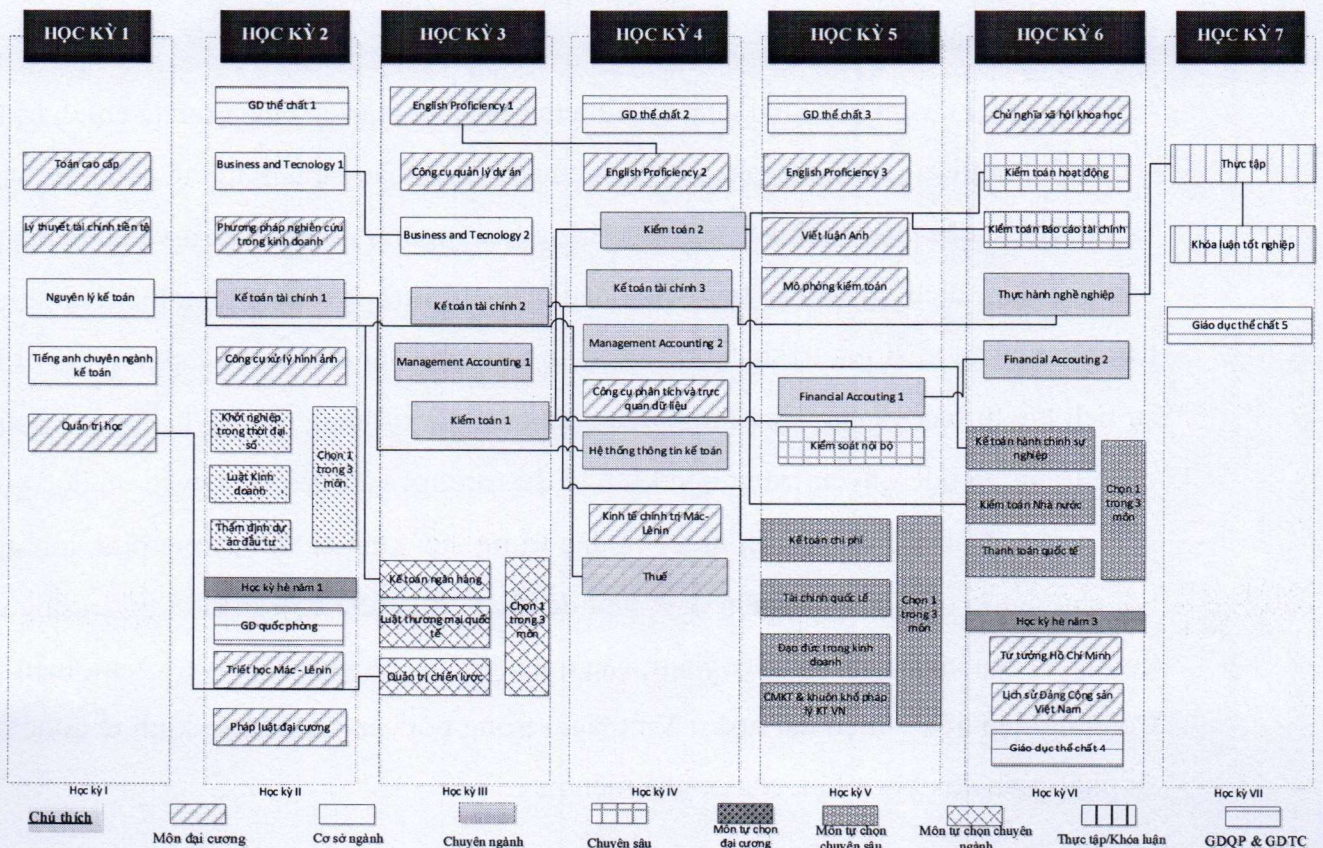
* Giảng dạy bằng tiếng Anh

11. Sơ đồ chương trình giảng dạy

11.1. Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp



11.2. Chuyên ngành Kế toán kiểm toán



12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.
- Các môn học được phân công giảng dạy bởi khoa/đơn vị quản lý môn học và được giảng dạy theo đề cương chi tiết môn học thống nhất đã được phê duyệt.
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá môn học được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Tư thục Quốc tế Sài Gòn.

13. Mô tả môn học

13.1. Triết học Mác – Lênin

Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm đưa ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của môn học và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác – Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

13.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hoá, nguồn gốc bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hoá đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền Nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hoá – hiện đại hoá ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

13.3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học

Nội dung học phần trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học; những vấn đề lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hoá, đạo đức, con người. Từ đó, giúp cho sinh viên hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn trong cuộc đời, sự nghiệp tư tưởng Hồ Chí Minh.

13.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên Chủ nghĩa xã hội và tiến hành công việc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm, về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

13.6. Pháp luật đại cương

Môn học Pháp luật đại cương giới thiệu các khái niệm, các phạm trù cơ bản về nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học pháp lý. Trên cơ sở đó môn học đi vào phân tích: cấu trúc của bộ máy Nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; cơ cấu của hệ thống pháp luật. Từ cách nhìn tổng quát về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, môn học được dành để nghiên cứu những nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp (Luật Nhà nước) với tư cách là ngành luật chủ đạo, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự, Luật lao động, Luật thương mại, Luật doanh nghiệp và các luật về tổ tụng tư pháp, để từ đó người học có thể dễ dàng tiếp cận với các ngành học khác.

13.7. Toán cao cấp

Môn Toán cao cấp là môn học nền tảng cho các ngành học về quản lý như khối ngành kinh tế, kế toán; cung cấp kiến thức cốt lõi về toán trong kinh tế. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng, đặt cơ sở khoa học cho các học phần khác thuộc khối ngành kinh tế, kế toán, quản trị kinh doanh. Học phần giúp sinh viên nghiên cứu các vấn đề về: Phép tính vi phân hàm một biến; Phép tính vi phân hàm nhiều biến; Phép tính tích phân hàm một biến; Phương trình vi phân cấp 1.

13.8. Quản trị học

Môn Quản trị học là môn học nền tảng cho các ngành học về quản lý như quản trị kinh doanh, quản trị tài chính, kế toán, thương mại điện tử, quản trị chuỗi cung ứng; cung cấp kiến thức cốt lõi về quản trị doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức nền tảng, đặt cơ sở khoa học cho các học phần khác thuộc khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh. Học phần giúp sinh viên nghiên cứu các vấn đề về bản chất của quản trị; nhà quản trị; Môi trường quản trị; các lý thuyết cổ điển và hiện đại về quản trị; các chức năng của quản trị như: hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp.

13.9. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh

Môn học bao gồm 9 chương trang bị cho sinh viên: Các kiến thức và kỹ năng của phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm xác định vấn đề nghiên cứu; khảo sát và thu thập thông tin; xử lý dữ liệu bằng các phần mềm thống kê, viết báo cáo nghiên cứu và

phân tích tổng hợp thông tin để đề xuất giải pháp cần nghiên cứu. Thành tạo các kỹ năng tư duy như phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm.

13.10. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến tài chính tiền tệ. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, tín dụng, lãi suất, ngân hàng, chính sách tiền tệ, thị trường tài chính và tài chính quốc tế. Môn học giúp sinh viên nắm được những vấn đề liên quan đến thu, chi ngân sách nhà nước, chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp và các vấn đề liên quan đến huy động vốn, cho vay hay những vấn đề liên quan đến lạm phát và thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, tài chính quốc tế.

13.11. English Proficiency 1

Học phần trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng các kỹ thuật đọc hiểu, phân tích ý cơ bản và có thể hiểu ý chính các bài đọc ngắn về các chủ đề quen thuộc trong kinh doanh, khả năng viết được các đoạn văn đơn giản với những chủ đề liên quan đến công việc, sở thích. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

13.12. English Proficiency 2

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ

13.13. English Proficiency 3

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp toàn cầu và có thể kết nối mọi người từ nhiều nền văn hóa và nguồn gốc khác nhau. Sinh viên có thể tham gia vào các hoạt động được sắp xếp cẩn thận với nội dung thực tế giúp sinh viên chuẩn bị đầy đủ cho việc tương tác với mọi người đến từ khắp nơi trên thế giới

13.14. Công cụ xử lý hình ảnh

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng tin học trong quá trình thiết kế sản phẩm đồ họa. Môn học giới thiệu chi tiết các phương pháp ứng

dụng phần mềm đồ họa Adobe Photoshop để thiết kế các sản phẩm quảng cáo, logo, các ấn phẩm đồ họa và trình bày một Poster đúng quy cách.

13.15. Công cụ quản lý dự án

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng nền tảng, cần thiết để khai thác, sử dụng hiệu quả các công cụ tin học ứng dụng trong việc tổ chức, quản lý dự án.

13.16. Công cụ phân tích và trực quan dữ liệu

Môn học trang bị cho sinh viên một quy trình phân tích dữ liệu và sử dụng thành thạo một công cụ chuyển đổi và trực quan dữ liệu, từ đó có được các tri thức để có thể ra quyết định hỗ trợ khả năng quản trị doanh nghiệp, dự báo, hoạch định chiến lược phát triển.

13.17. Viết luận Anh

Khóa học viết luận tiếng Anh nhằm mục đích giúp học viên hiểu được cấu trúc, đặc điểm và cách trình bày của việc viết luận một cách hiệu quả cũng như quá trình viết một bài luận hoàn chỉnh. Học sinh sẽ nghiên cứu cách tổ chức bài luận, các chi tiết và thành phần thiết yếu của bài luận, bảng chú giải thuật ngữ và ngữ pháp phù hợp thường được sử dụng trong bài luận.

13.18. Nguyên lý kế toán

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành kế toán, nội dung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản chung về kế toán, các phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, các hình thức sổ kế toán, nội dung và hình thức tổ chức kế toán bao gồm: Những vấn đề chung về kế toán; Báo cáo kế toán; Tài khoản và ghi sổ kép; Tính giá các đối tượng kế toán; Chứng từ kế toán; Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Sổ kế toán và hình thức kế toán ... Qua học phần này sinh viên hiểu và có thể giải thích được các đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán để thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin và một số nội dung kế toán cơ bản trong doanh nghiệp, làm tiền đề và cơ sở để sinh viên bước vào các môn học chuyên ngành kế toán.

13.19. Tiếng Anh chuyên ngành kế toán

Tiếng Anh chuyên ngành kế toán là một học phần trang bị cho sinh viên hệ thống thuật ngữ tiếng Anh phổ biến và căn bản liên quan đến công việc thuộc lĩnh vực kế toán. Các chủ đề của học phần bao gồm báo cáo tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán quản trị,

đầu tư. Kết thúc học phần này sinh viên có vốn từ vựng cần thiết để học tốt những môn học chuyên ngành theo định hướng nghề nghiệp quốc tế, và có khả năng sử dụng các thuật ngữ tiếng Anh trong môi trường làm việc chuyên ngành kế toán.

13.20. Business and Technology 1 (F1.1)

Học phần Kinh doanh và công nghệ 1 trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo của ngành kế toán. Học phần này giới thiệu các nội dung cơ bản về môi trường kinh doanh cụ thể như sau: các kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế, các nguyên tắc vận hành của chính phủ bao gồm vi mô và vĩ mô; các khái niệm cơ bản trong quản trị doanh nghiệp như: loại hình và cơ cấu tổ chức, các bên liên quan, vai trò và chức năng các bộ phận trong doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Học phần cung cấp thêm các kiến thức về bộ máy kế toán, vai trò nhiệm vụ kế toán viên, quy trình lưu trữ dữ liệu, quy trình kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, an ninh và an toàn của tổ chức, cách thức nhận diện và ngăn ngừa hành vi gian lận trong tổ chức. Ngoài ra, sinh viên còn được nâng cao kỹ năng đọc tiếng Anh, rèn luyện ý thức tự học và tự nghiên cứu.

13.21. Business and Technology 2 (F1.2)

Học phần kinh doanh và công nghệ 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị nguồn nhân lực như lãnh đạo, động viên nhân viên, tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá hiệu quả lao động, tổ chức hiệu quả hệ thống truyền thông, đạo đức nghề nghiệp trong kế toán và kinh doanh. Ngoài ra, môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh, kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết tình huống.

13.22. Luật Kinh doanh

Học phần luật kinh doanh giúp cho sinh viên có những kiến thức về Luật kinh doanh mà trong đó chi tiết các luật như: luật đầu tư, luật cạnh tranh, luật phá sản, luật sở hữu trí tuệ và luật lao động để vận dụng vào trong các hoạt động của doanh nghiệp. Học phần này giúp sinh viên có khả năng thu thập, nhận định, tư duy, phân tích đưa ra các giải pháp phù hợp giúp doanh nghiệp hạn chế được các rủi ro liên quan đến Luật kinh doanh, góp phần vào sự phát triển ổn định.

13.23. Khởi nghiệp trong thời đại số

Môn học trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết cho Doanh nhân được định nghĩa như là giả định về rủi ro và trách nhiệm trong việc thiết kế và thực hiện một chiến lược kinh doanh, về quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị nhân sự và tài chính trong doanh nghiệp trong thời đại số với sự tác động và ảnh hưởng của các thiết bị hiện đại. Từ “entrepreneur” bắt nguồn từ tiếng Pháp “entreprendre” có nghĩa là “cam đoan làm được”. Trong kinh doanh, từ này có nghĩa là khởi nghiệp kinh doanh. Phần không thể thiếu của ‘entrepreneurship’ là khả năng phát triển và thực hiện một chiến lược kinh doanh. Môn học này sẽ hướng dẫn cho sinh viên về các nhân tố quan trọng đưa đến việc sáng tạo ra các công việc đầu tư kinh doanh mới và các đặc trưng của một doanh nhân thành công. Sinh viên sẽ tham gia vào một tình huống mô phỏng kinh doanh với tư cách cá nhân hay trong các đội nhóm trong lớp..

13.24. Thẩm định dự án đầu tư

Học phần Thẩm định dự án đầu tư là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nội dung, cách thức và quy trình để tiến hành lập và thẩm định dự án đầu tư kinh doanh, nhờ đó có sự chuẩn bị tốt trước khi quyết định đầu tư nhằm giảm rủi ro khởi nghiệp. Thẩm định là một khâu quan trọng trong công tác chuẩn bị đầu tư, bao gồm các nội dung cụ thể: Tổng quan về đầu tư và dự án đầu tư; Phương pháp lập dự án đầu tư; Phân tích tổng quát tình hình kinh tế - xã hội và thị trường của dự án; Phân tích kỹ thuật và tổ chức nhân lực của dự án; Phân tích tài chính của dự án đầu tư; Phân tích lợi ích kinh tế - xã hội của dự án đầu tư; Phân tích độ nhạy và rủi ro của dự án đầu tư; Thẩm định dự án đầu tư.

13.25. Kế toán tài chính 1

Học phần Kế toán tài chính 1 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường pháp lý của kế toán: Luật Kế toán, Chuẩn mực, Chế độ kế toán, kiến thức về tổ chức công tác kế toán, tổ chức hệ thống chứng từ, sổ sách, trình tự xử lý nghiệp vụ kế toán và trình bày thông tin kế toán đối với các phần hành kế toán bao gồm: Kế toán tiền; Kế toán nợ phải thu và ứng trước; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả; Kế toán vốn chủ sở hữu; Kế toán xác định kết quả kinh doanh; Qua học phần này sinh viên hiểu và có thể giải thích được nội dung thông tin trình bày trên báo cáo tài chính và có khả năng tham mưu, đề xuất cách xử lý các tình huống kế toán phức tạp liên quan đến các đối tượng kế toán nêu trên.

13.26. Kế toán tài chính 2

Học phần Kế toán tài chính 2 là học phần thuộc chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu liên quan đến giao dịch ngoại tệ, xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái, ghi nhận và tổng hợp thông tin về giá thành sản phẩm và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Nội dung học phần còn tập trung vào kiến thức về kế toán hoạt động xây dựng cơ bản bao gồm: dự toán công trình, quyết toán, nghiệm thu công trình. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức về phương pháp tính và kê khai các loại thuế phải nộp Nhà nước. Qua học phần này, sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của thông tin kế toán liên quan đến các hoạt động nêu trên để tuân thủ các nguyên tắc kế toán, những quy định pháp lý liên quan đến công việc của kế toán.

13.27. Kế toán tài chính 3

Học phần Kế toán tài chính 3 là một học phần của chuyên ngành kế toán, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực: Đầu tư tài chính, thanh toán nội bộ trong doanh nghiệp có đơn vị trực thuộc, các hoạt động thuê tài sản, vay, nợ tiềm tàng và dự phòng phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Với kiến thức được trang bị, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá, hạch toán, tổng hợp và cung cấp thông tin trên báo cáo tài chính về các phân hành kế toán: Kế toán hoạt động đầu tư tài chính; Kế toán phải thu phải trả nội bộ; Kế toán hoạt động thuê tài sản; Kế toán các khoản nợ vay, nợ tiềm tàng và dự phòng phải trả; Kế toán điều chỉ chính sách kế toán, ước tính kế toán, sai sót và những sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tham gia học phần này sinh viên sẽ có kiến thức chuyên sâu, những hiểu biết về môi trường pháp lý đối với hoạt động đầu tư, thuê tài sản và vay nợ nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp kế toán.

13.28. Kế toán mô phỏng

Học phần Kế toán mô phỏng (phần mềm Misa) giúp cho sinh viên có kiến thức tổng quan chung về phần mềm kế toán, cách thức và phương pháp hoạt động của các phần mềm, tính ưu việt của phần mềm kế toán so với kế toán thủ công, hiểu được các chu trình hoạt động của các phân hành kế toán trong các loại hình doanh nghiệp, hiểu biết và giải thích được chứng từ kết xuất từ các chu trình kế toán và báo cáo tài chính, có khả năng kiểm soát hệ thống. Qua học phần này giúp sinh viên hiểu các nguyên tắc hạch toán chung, các quy trình trong phần mềm và thực hành trên mỗi quy trình đó. Hướng dẫn sinh viên nhập các dữ liệu kế toán đầu vào, xử lý và kết xuất dữ liệu đầu ra.

13.29. Kiểm toán 1

Học phần Kiểm toán 1 là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến kiểm toán như: Bản chất của kiểm toán, môi trường kiểm toán, quy trình kiểm toán bao gồm các nội dung cụ thể: Tổng quan về kiểm toán; Kiểm soát nội bộ; Chuẩn bị kiểm toán; Bằng chứng kiểm toán; Hoàn thành kiểm toán và báo cáo kiểm toán. Tham gia học phần sinh viên sẽ có khả năng thực hiện được một số nội dung cơ bản của cuộc kiểm toán: đánh giá được rủi ro, các phương pháp thu thập bằng chứng, phân tích tổng thể tình hình doanh nghiệp, hiểu được nội dung của báo cáo kiểm toán, ý kiến kiểm toán.

13.30. Kiểm toán 2

Học phần Kiểm toán 2 là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về: nội dung, đặc điểm, kiểm soát nội bộ và quy trình kiểm toán về vốn bằng tiền, nợ phải thu và nghiệp vụ bán hàng, hàng tồn kho và giá vốn hàng bán, tài sản cố định và chi phí khấu hao, kiểm toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu, kiểm toán thu nhập và chi phí bao gồm các nội dung cụ thể: Kiểm toán tiền; Kiểm toán nợ phải thu khách hàng; Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí.

13.31. Thuế

Học phần Thuế cung cấp cho sinh viên kiến thức để hiểu biết về hệ thống quản lý thuế, chính sách thuế, phương pháp xác định, kê khai và chấp hành nghĩa vụ nộp các loại thuế theo quy định. Học phần này bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành, đối với học phần lý thuyết, trang bị kiến thức cho sinh viên gồm những hiểu biết về cơ chế quản lý thuế, chi tiết về các loại thuế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. Phần thực hành sinh viên sẽ được hướng dẫn về phương pháp lập hồ sơ kê khai thuế, thực hiện được việc kê khai thuế trên phần mềm trên hệ thống của cơ quan quản lý thuế.

13.32. Hệ thống thông tin kế toán

Học phần hệ thống thông tin kế toán giúp sinh viên có kiến thức về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, đồng thời hiểu rõ chức năng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán cũng như việc vận dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán. Qua học phần này giúp sinh viên hiểu các quy trình kế toán trong doanh nghiệp để vận

dụng vào công việc thực tế, thiết lập được quy trình hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, có khả năng vận dụng kiến thức đã học về được lưu đồ, chứng từ kế toán trong công ty, cũng như kiểm soát được quy trình.

13.33. Management Accounting 1 (F2.1)

Học phần Management Accounting 1 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị như mục đích và vai trò của kế toán quản trị, phân tích dữ liệu và trình bày thông tin, phân loại chi phí, dự báo, kế toán nguyên vật liệu sản xuất, kế toán chi phí lao động trong sản xuất, kế toán chi phí sản xuất gián tiếp, phương pháp kế toán theo quá trình, phương pháp kế toán theo công việc,... Qua học phần này sinh viên hiểu rõ về tầm quan trọng của kế toán quản trị trong doanh nghiệp bên cạnh kế toán tài chính, giúp sinh viên có thêm công cụ hỗ trợ đắc lực nhà quản trị trong việc ra quyết định. Ngoài ra, học phần này giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tiếng Anh.

13.34. Management Accounting 2 (F2.2)

Học phần Management Accounting 2 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị như thiết lập và thực hiện ngân sách, thẩm định dự án, xác định chi phí định mức, phân tích chênh lệch giữa định mức và thực tế, xác định mục tiêu cho doanh nghiệp, đo lường hoạt động tài chính và đo lường hoạt động phi tài chính.

13.35. Financial Accounting 1 (F3.1)

Học phần Financial Accounting 1 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành kế toán. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính như các khái niệm về đặc tính của chất lượng thông tin kế toán thông qua các nguyên tắc và giả định kế toán; bộ luật khung, hệ thống ban hành luật kế toán quốc tế và chuẩn mực kế toán quốc tế và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; hệ thống kế toán kép; bảng cân đối thử; các kiến thức chi tiết liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như: bán hàng, mua hàng, tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, và các khoản trả trước. Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên nâng cao khả năng tiếng Anh chuyên ngành kế toán.

13.36. Financial Accounting 2 (F3.2)

Học phần Financial Accounting 2 là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kế toán trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến kế toán tài chính theo thông lệ quốc tế. Sinh viên có thể ghi nhận các nghiệp vụ liên quan đến các khoản phải thu, các khoản phải trả, nợ tiềm tàng, dự phòng nợ xấu, lập báo cáo tài chính cho doanh công ty, lập báo cáo tài chính hợp nhất, phân tích báo cáo tài chính,... Qua học phần này sinh viên được nâng cao khả năng tiếng Anh chuyên ngành.

13.37. Thực hành nghề nghiệp

Học phần Thực hành nghề nghiệp trang bị cho sinh viên khả năng hiểu biết về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị cụ thể thông qua việc tìm hiểu về cơ cấu bộ máy quản lý, cơ cấu bộ máy kế toán, cách thức phân chia nhiệm vụ cho các nhân viên kế toán tại đơn vị cụ thể. Tham gia học phần sinh viên hiểu được vai trò của mỗi nhân viên kế toán và trình tự đối chiếu giữa các nhân viên để tổng hợp số liệu. Qua học phần này sinh viên hiểu vai trò và nhiệm vụ của mỗi nhân viên kế toán trong mỗi phần hành kế toán. Với kiến thức thu thập được sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp giúp hoàn thiện hệ thống kế toán tại đơn vị theo mỗi phần hành công việc.

13.38. Kế toán ngân hàng

Học phần Kế toán Ngân hàng là học phần đề cập đến những kiến thức kế toán cơ bản để thực hiện kế toán trong lĩnh vực ngân hàng thương mại. Qua học phần này, sinh viên có thể hiểu và thực hiện các nghiệp vụ, phương pháp, trình tự hạch toán đối với các phần hành kế toán về tài sản Có và tài sản Nợ trong ngân hàng, biết phân loại, định khoản các đối tượng kế toán liên quan đến quá trình tập hợp chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Tham gia học phần này, sinh viên có thể tự tin đảm trách được một số vị trí kế toán tại các ngân hàng thương mại, có khả năng phân tích, đánh giá đề xuất các giải pháp khả thi trong lĩnh vực kế toán ngân hàng.

13.39. Luật Thương mại quốc tế

Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế, những điều chỉnh trong nước cũng như quốc tế về những hoạt động thương mại mang tính quốc tế, cùng với các môn khác được đào tạo trong chuyên ngành, học phần luật thương mại quốc tế giúp sinh viên người học có được kiến thức toàn diện nhất để giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

13.40. Quản trị chiến lược

Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết chung, chuyên ngành cơ bản về quản trị chiến lược hiện đang áp dụng trên thế giới và hướng đến năng lực học tập suốt đời. Sinh viên có khả năng sáng tạo đối với các công cụ, kỹ thuật qua việc hoạch định, thực hiện và kiểm soát chiến lược phù hợp với từng loại hình tổ chức. Sinh viên có thể sử dụng hiệu quả phương pháp phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin khoa học và tiên tiến; vận dụng các hệ thống quản lý phù hợp với quản trị chiến lược từng loại hình tổ chức trong bối cảnh luôn thay đổi.

13.41. Kế toán chi phí

Học phần kế toán chi phí là học phần thuộc chuyên ngành kế toán, trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến việc phân loại chi phí, dự đoán chi phí, tập hợp chi phí, đánh giá sản phẩm dở dang, tính giá thành sản phẩm theo từng đặc điểm quy trình công nghệ và theo các hoạt động sản xuất. Với kiến thức thu được của học phần này, sinh viên biết nhận dạng và áp dụng phương pháp kế toán phù hợp nhằm xác định chính xác giá thành sản phẩm phục vụ cho các quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp. Qua học phần, sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của thông tin chi phí, giá thành sản phẩm, nghiêm túc tuân thủ các nguyên tắc kế toán và quy định pháp lý khi thực hiện nhiệm vụ.

13.42. Phân tích Báo cáo tài chính

Học phần phân tích báo cáo tài chính (BCTC) là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính chất tổng hợp, vận dụng các công cụ phân tích kinh tế để phân tích và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên thông tin của báo cáo tài chính nhằm cung cấp cho các đối tượng sử dụng các thông tin cần thiết trong việc ra các quyết định, bao gồm các nội dung cụ thể: Tổng quan về báo cáo tài chính; Các phương pháp sử dụng phân tích BCTC; Phân tích cấu trúc tài chính và tình hình đảm bảo vốn; Phân tích tình hình và khả năng thanh toán; Phân tích hiệu quả kinh doanh; Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

13.43. Kế toán Hành chính sự nghiệp

Học phần Kế toán Hành chính sự nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức về kế toán áp dụng tại các đơn vị Hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, xã hội có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và không sử dụng kinh phí

ngân sách nhà nước. Qua học phần này sinh viên hiểu được mô hình tổ chức của các đơn vị thuộc khu vực công, hiểu quy trình lập, sử dụng, quyết toán Ngân sách. Sinh viên được trang bị kiến thức để ghi nhận, theo dõi kết quả của các hoạt động phát sinh trong đơn vị bao gồm: Hoạt động thu chi NSNN, hoạt động thu phí, lệ phí, hoạt động, vay viện trợ, hoạt động SXKD. Sinh viên hiểu được những quy định pháp lý đối với kế toán đơn vị HCSN, hiểu và có thể tổ chức thực hiện được quy trình kế toán kiểm soát được các hoạt động trong đơn vị HCSN.

13.44. Kế toán hoạt động xây lắp

Học phần Kế toán hoạt động xây lắp là học phần chuyên ngành sâu của ngành kế toán trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để có khả năng thực hiện được nhiệm vụ kế toán tại doanh nghiệp xây lắp bao gồm: Kế toán các phần hành cơ bản (Kế toán tiền, kế toán nguyên vật liệu, kế toán tài sản cố định, kế toán lương) và các phần hành chuyên sâu bao gồm: Kế toán tính giá thành cho các công trình xây lắp, kế toán hợp đồng xây dựng, bàn giao công trình và dự phòng chi phí bảo hành cho công trình, kế toán xác định kết quả kinh doanh của sản phẩm xây lắp và phương pháp lập báo cáo tài chính tại doanh nghiệp xây lắp. Tham gia học phần này, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để tổ chức kế toán cho doanh nghiệp xây lắp, hiểu biết về nguyên tắc kế toán và những quy định pháp lý liên quan đến hoạt động xây lắp.

13.45. Đạo đức trong kinh doanh

Học phần Đạo đức trong kinh doanh là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về: Khái niệm, quan điểm mang tính lý thuyết về đạo đức trong kinh doanh thông qua giới thiệu cách tiếp cận và nhận diện những vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ kinh doanh, hiểu rõ vai trò, sự cần thiết, chuẩn mực và cách xây dựng đạo đức kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế như hiện nay, bao gồm các nội dung cụ thể: Một số vấn đề chung về đạo đức kinh doanh; Triết lý đạo đức trong kinh doanh và nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; Các khía cạnh thể hiện của đạo đức kinh doanh; Xây dựng đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp; Môi trường kinh doanh thay đổi, các vấn đề đạo đức kinh doanh toàn cầu ...

13.46. Thanh toán quốc tế

Học phần nghiên cứu những nội dung bao gồm: Cơ sở của việc thanh toán quốc tế: Phương tiện thanh toán quốc tế và bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế; Phương thức thanh toán quốc tế: Phương thức chuyển tiền, phương thức nhờ thu, phương thức

tín dụng chứng từ và các phương thức thanh toán quốc tế khác... Tham gia học phần này sinh viên sẽ có kiến thức về thanh toán quốc tế như: Cơ sở hình thành và cơ sở pháp lý làm nền tảng cho hoạt động thanh toán quốc tế và những điều kiện thanh toán quốc tế trong hợp đồng ngoại thương, hiểu được tổng quan về phương thức thanh toán, hiểu và ứng dụng được trong thực tế những phương tiện thanh toán quốc tế, kiểm tra và lập được bộ chứng từ thương mại sử dụng trong thanh toán quốc tế, có khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong thanh toán quốc tế...

13.47. Chuẩn mực kế toán & khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam

Học phần này bao gồm 2 nội dung chính: (1) Chuẩn mực kế toán trang bị cho sinh viên kiến thức về những tình huống và cách xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chuẩn mực kế toán thuộc các khoản mục kế toán liên quan như: Kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản cố định, các khoản đầu tư, doanh thu – chi phí, trình bày BCTC, ... Qua đó, sinh viên có cái nhìn tổng quan về các chuẩn mực và tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp; (2) Khuôn khổ pháp lý kế toán Việt Nam trang bị những kiến thức cơ bản về cơ sở pháp lý của kế toán Việt Nam bao gồm các quy định liên quan đến công tác kế toán, người làm kế toán và những quy định xử lý vi phạm pháp luật về kế toán. Qua học phần này sinh viên hiểu biết và có ý thức tuân thủ các quy định pháp lý khi thực hiện nhiệm vụ kế toán tại doanh nghiệp.

13.48. Tài chính quốc tế

Học phần Thanh toán quốc tế cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến tỷ giá hối đoái, đặc điểm, nguyên tắc hoạt động, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối của thị trường hối đoái và vai trò của thị trường hối đoái trong hoạt động kinh tế, đặc biệt là hoạt động ngoại thương. Bên cạnh đó, sinh viên còn được tìm hiểu những kiến thức cơ bản về các phương tiện thanh toán quốc tế, những khái niệm, quy trình và các bước thực hiện cụ thể của các phương thức thanh toán quốc tế thường được sử dụng trong các hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Sinh viên còn nắm được quy trình gửi, chứng từ và luân chuyển chứng từ thương mại qua hệ thống các ngân hàng.

13.49. Kiểm soát nội bộ

Học phần kiểm soát nội bộ cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu để hiểu biết về cấu trúc của hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị, hiểu được hoạt động kiểm soát nội bộ theo từng chu trình nghiệp vụ. Qua học phần này sinh viên được trang bị kỹ

năng về nhận diện rủi ro, gian lận, đánh giá mức độ sai phạm, đề xuất các giải pháp ngăn chặn sai phạm. Tham gia học phần này sinh viên có khả năng thiết kế, vận hành và đánh giá các chính sách và quy trình kinh doanh cụ thể như bán hàng thu tiền, mua hàng trả tiền, tiền lương và có khả năng nghiên cứu chuyên sâu để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Học phần này giúp sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức để phát hiện rủi ro gian lận và có khả năng tham mưu, đề xuất các giải pháp để kiểm soát ngăn ngừa gian lận thất thoát tài sản của đơn vị.

13.50. Kiểm toán Báo cáo tài chính

Học phần Kiểm toán báo cáo tài chính là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về: tổng quan về hồ sơ kiểm toán, các bước lập kế hoạch kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán liên quan đến báo cáo tài chính, trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập, và báo cáo kiểm toán. Kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm các nội dung cụ thể: Tổng quan về hồ sơ kiểm toán; Trách nhiệm của kiểm toán viên; Lập kế hoạch kiểm toán; Chuẩn mực kiểm toán về báo cáo tài chính; Kiểm toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Lập báo cáo kiểm toán. Tham gia học phần này sinh viên có khả năng thực hiện những kỹ thuật kiểm toán cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở cho ý kiến của kiểm toán viên trên báo cáo kiểm toán, có kỹ năng phối hợp công việc giữa các thành viên nhóm kiểm toán, giữa các nhóm kiểm toán và các công ty kiểm toán trong quá trình cung cấp dịch vụ đảm bảo cho khách hàng.

13.51. Kiểm toán hoạt động

Học phần Kiểm toán hoạt động là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về kiểm toán hoạt động, các khái niệm, đặc điểm, phạm vi và quy trình kiểm toán hoạt động; Học phần này cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ bao gồm các nội dung cụ thể: Tổng quan về kiểm toán hoạt động; Lập kế hoạch kiểm toán; Thực hiện kiểm toán; Xử lý các phát hiện kiểm toán; Báo cáo kiểm toán; Kiểm toán hoạt động trong kiểm toán nội bộ

13.52. Kiểm toán Nhà nước

Học phần Kiểm toán Nhà nước là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm, bản chất và sự cần thiết của kiểm toán nhà nước, kiểm toán viên nhà nước, chuẩn mực kiểm toán nhà nước, sinh viên có thể nắm bắt được các quy trình kiểm toán ngân sách nhà nước, quy trình kiểm toán doanh nghiệp nhà nước, quy trình kiểm toán dự án đầu tư có vốn nhà nước, các khiếu nại và giải quyết khiếu nại. Học phần này

cũng trang bị cho sinh viên kiến thức về kiểm toán nhà nước bao gồm các nội dung cụ thể: Tổng quan về kiểm toán nhà nước; Thủ tục, quy trình của kiểm toán nhà nước; Quy trình kiểm toán ngân sách nhà nước; Quy trình kiểm toán báo cáo quyết toán dự án đầu tư xây dựng nhà nước; Quy trình kiểm toán doanh nghiệp nhà nước; Giải quyết khiếu nại của đơn vị được kiểm toán...

13.53. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan và kiến thức thực tế về lập và trình bày báo cáo tài chính tại doanh nghiệp. Tham gia học phần này sinh viên có điều kiện tiếp cận thực tế hiểu biết quy trình lập báo cáo tài chính tại doanh nghiệp, trên cơ sở đó, sinh viên so sánh với lý thuyết đánh giá những ưu nhược điểm của quá trình thực hiện và đề ra giải pháp giúp công ty hoàn thiện quy trình lập BCTC. Tham gia học phần sinh viên có khả năng tổ chức quy trình theo dõi tổng hợp và lập BCTC, biết thực hiện các bút toán điều chỉnh trước khi lập báo cáo tài chính, có khả năng xử lý những sự kiện phát sinh trong thực tế sau khi lập BCTC năm, điều chỉnh chính sách kế toán, ước tính kế toán cũng như những sai sót kế toán phát hiện được, biết cách trình bày, giải thích những thông tin đã điều chỉnh nhằm cung cấp cho người sử dụng BCTC những hiểu biết về thông tin đã cung cấp.

13.54. Khóa luận tốt nghiệp

Học phần Khóa luận tốt nghiệp trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến kế toán tài chính hoặc kế toán quản trị hoặc kiểm toán hoặc hệ thống thông tin kế toán. Theo đó, sinh viên có thể chọn đề tài theo từng chuyên ngành cụ thể để nghiên cứu chuyên sâu. Tham gia học phần này sinh viên đánh giá được nội dung nghiên cứu trong thực tế doanh nghiệp đã làm so sánh với thực tế, nhận định và đánh giá thông tin để đề ra giải pháp tích cực giúp công ty hoàn thiện nội dung nghiên cứu.

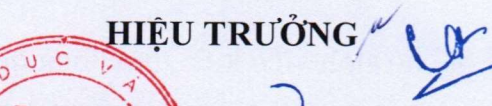
13.55. Giáo dục thể chất

Học phần Giáo dục thể chất trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực giáo dục thể chất, những kiến thức thể dục thể thao, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

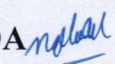
13.56. Giáo dục quốc phòng – an ninh

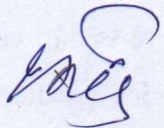
Học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh cung cấp một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh, quân sự chung, tổ chức quân, binh chủng...

Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các môn học trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG 

TS. Phạm Quý Ty

TRƯỞNG KHOA 


PGS.TS. NGUYỄN TẤT VIỄN